

Công ty Cổ phần VNG

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần VNG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 30

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ kinh doanh trò chơi điện tử, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet, thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06 Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Sỹ Nhân	Chủ tịch
Ông Lê Hồng Minh	Thành viên
Ông Vương Quang Khải	Thành viên
Bà Christina Gaw	Thành viên
Ông Edphawin Jetjirawat	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2024
Ông Phạm Văn Đô La	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Ông Vũ Thành Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024
Bà Trương Thị Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2024

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Nhà sáng lập, Tổng Giám đốc
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc Digital Business
Ông Wong Kelly Yin Hon	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc VNGGames
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

Công ty Cổ phần VNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình chuẩn bị báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ngày 30 tháng 7 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.487.013.098.017	2.688.214.344.290
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	649.937.017.543	1.732.371.924.390
111	1. Tiền		18.967.017.543	569.571.924.390
112	2. Các khoản tương đương tiền		630.970.000.000	1.162.800.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		6.000.000.000	55.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	5	6.000.000.000	55.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		673.260.665.191	795.022.086.802
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	332.879.843.646	275.238.195.877
132	2. Trả trước người bán ngắn hạn		23.163.314.942	9.119.362.857
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	318.205.550.305	512.659.672.657
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(988.043.702)	(1.995.144.589)
140	IV. Hàng tồn kho		6.577.281.638	10.626.098.562
141	1. Hàng tồn kho	8	7.435.318.990	11.450.851.884
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(858.037.352)	(824.753.322)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		151.238.133.645	95.194.234.536
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	135.702.515.281	79.658.652.840
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.195.693	1.159.025
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		15.534.422.671	15.534.422.671
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.414.684.897.878	3.200.588.484.025
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		270.200.000	1.610.992.507
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	270.200.000	1.610.992.507
220	II. Tài sản cố định		632.165.648.053	669.315.020.501
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	537.313.306.447	558.281.779.132
222	Nguyên giá		898.828.543.558	914.575.960.004
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(361.515.237.111)	(356.294.180.872)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	94.852.341.606	111.033.241.369
228	Nguyên giá		729.449.373.322	753.528.934.517
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(634.597.031.716)	(642.495.693.148)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		36.847.345.000	17.617.137.146
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	36.847.345.000	17.617.137.146
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	2.631.908.408.782	2.385.673.390.856
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	6.435.762.611.378	4.838.648.044.366
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	1.375.550.935.009	1.195.550.935.009
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12	(5.179.405.137.605)	(3.649.525.588.519)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	12	-	1.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		113.493.296.043	126.371.943.015
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	113.493.296.043	126.371.943.015
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.901.697.995.895	5.888.802.828.315

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.982.645.027.559	3.520.345.993.874
310	I. Nợ ngắn hạn		3.816.811.504.760	3.432.929.841.793
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	624.088.124.748	568.517.870.360
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		32.091.505.200	30.289.132.286
313	3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	15	58.287.825.451	38.077.999.797
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	882.840.843.175	945.423.731.948
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	1.167.748.659.892	1.086.949.025.152
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	54.207.860.907	45.191.376.040
320	7. Vay ngắn hạn	20	997.546.685.387	718.480.706.210
330	II. Nợ dài hạn		165.833.522.799	87.416.152.081
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	146.145.314.999	66.951.008.607
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	634.564.500	558.379.674
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	19	19.053.643.300	19.906.763.800
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		919.052.968.336	2.368.456.834.441
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	919.052.968.336	2.368.456.834.441
411	1. Vốn cổ phần		287.360.000.000	287.360.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		287.360.000.000	287.360.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(60.038.260.807)	(60.038.260.807)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		691.731.229.143	2.141.135.095.248
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.141.135.095.248	2.482.476.505.399
421b	- Lỗ sau thuế chưa phân phối kỳ này		(1.449.403.866.105)	(341.341.410.151)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.901.697.995.895	5.888.802.828.315



Hoàng Thị Huệ
Người lập



Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

Công ty Cổ phần VNG

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.136.376.313.193	1.230.241.227.065	2.368.860.174.637	1.901.584.633.328
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(766.299.120.697)	(863.583.555.764)	(1.502.816.570.440)	(1.560.637.860.606)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.2	370.077.192.496	366.657.671.301	866.043.604.197	340.946.772.722
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23	4.599.226.354	10.361.587.738	16.585.377.826	350.179.043.277
22	5. Chi phí tài chính	23	(1.410.191.028.505)	(131.692.868.473)	(1.567.920.971.180)	(273.445.480.040)
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		(12.449.763.654)	(3.798.324.605)	(26.868.399.612)	(3.798.324.605)
25	6. Chi phí bán hàng	25	(195.239.626.053)	(249.052.995.441)	(337.165.031.967)	(518.512.317.118)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(234.575.649.360)	(200.412.733.519)	(426.812.497.404)	(438.968.236.227)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	24	(1.465.329.885.068)	(204.139.338.394)	(1.449.269.518.528)	(539.800.217.386)
31	9. Thu nhập khác	24	172.110.727	1.173.838.256	917.634.504	1.693.730.103
32	10. Chi phí khác	24	246.965.897	(21.817.970.651)	(1.051.982.081)	(24.732.237.703)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác		419.076.624	(20.644.132.395)	(134.347.577)	(23.038.507.600)
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(1.464.910.808.444)	(224.783.470.789)	(1.449.403.866.105)	(562.838.724.986)
60	13. Lỗ sau thuế TNDN		(1.464.910.808.444)	(224.783.470.789)	(1.449.403.866.105)	(562.838.724.986)

VND

Hoàng Thị Huệ

Hoàng Thị Huệ
Người lập

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

Lê Trung Tín

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024


VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(1.449.403.866.105)	(562.838.724.986)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9,10	65.649.188.009	73.125.519.560
03	Các khoản dự phòng	6,10, 23	1.525.779.987.252	273.424.465.214
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.308.864.361	246.690.769
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.350.755.099)	(336.075.944.416)
06	Chi phí lãi vay	23	26.868.399.612	3.798.324.605
08	Lợi nhuận từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		166.851.818.030	(548.319.669.254)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(86.304.832.683)	43.710.261.315
10	Giảm hàng tồn kho		4.015.532.894	2.461.813.701
11	Tăng các khoản phải trả		178.540.712.067	1.088.608.810.561
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(43.165.215.469)	14.915.119.914
14	Lãi tiền vay đã trả		(27.111.340.266)	(3.411.732.101)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		192.826.674.573	597.964.604.136
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(57.245.077.950)	(52.796.331.485)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		473.729.615	376.863.969
24	Thu thuần tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		50.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác		(1.569.475.468.612)	(697.800.003.500)
26	Thu hồi tiền góp vốn vào đơn vị khác		-	113.901.634.238
27	Tiền lãi và lợi nhuận đã nhận		12.024.097.203	339.925.319.515
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.564.222.719.744)	(296.392.517.263)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		8.990.040.000	8.724.030.000
33	Tiền thu từ đi vay	20	1.004.452.700.899	496.458.925.715
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(725.386.721.722)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		288.056.019.177	505.182.955.715

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ		(1.083.340.025.994)	806.755.042.588
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	4	1.732.371.924.390	925.574.551.452
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		905.119.147	64.776.434
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	649.937.017.543	1.732.394.370.474


 Hoàng Thị Huệ
 Người lập


 Lê Trung Tín
 Kế toán trưởng




 Lê Hồng Minh
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ kinh doanh trò chơi điện tử, cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng;
- ▶ tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- ▶ lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ quảng cáo thương mại;
- ▶ dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, xây dựng cơ sở dữ liệu, lưu trữ cơ sở dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ đại lý hoa hồng mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet, thẻ trò chơi.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06 Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 1.595 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.587 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính cần thiết để thực hiện việc bán đó.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định bằng giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến tổn thất do các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Khu Chế Xuất Tân Thuận số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho thời hạn thuê 28 năm và số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 cho thời hạn thuê 25 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ dần vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 5 năm
Thiết bị khác	3 - 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ.

Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Công ty đồng thời thỏa mãn được các điều kiện tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán, Công ty dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán, Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó, tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai, Công ty có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó. Chi phí phát triển không thỏa mãn những tiêu chuẩn trên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ

Công ty ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và triển khai phát triển và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển được liệt kê như trên được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc và bao gồm:

Trò chơi và phần mềm dở dang

Trò chơi và phần mềm dở dang đang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản dở dang

Tài sản dở dang đang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc mua sắm tài sản và xây dựng dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt thiết bị và các chi phí phát sinh trực tiếp khác cho đến khi tài sản được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Công ty không trích khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho đến khi tài sản sẵn sàng để đưa vào sử dụng.

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát và các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đang làm việc tại Công ty với tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong năm họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu*

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính riêng cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong báo cáo tài chính riêng, do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu trò chơi trực tuyến

Công ty phân phối các trò chơi trực tuyến, bao gồm các trò chơi mà Công ty tự phát triển và các trò chơi được cấp phép bởi các nhà phát triển trò chơi, thông qua máy tính cá nhân (PC), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc trình duyệt web và các cửa hàng ứng dụng điện tử cho phép người chơi được chơi miễn phí hoặc có trả phí. Trong các trò chơi này, người chơi có thể mua tiền ảo để nhận hàng hóa ảo hoặc có thể mua hàng hóa ảo trực tiếp ("vật phẩm ảo") để nâng cao trải nghiệm cho người chơi. Công ty ghi nhận doanh thu chưa thực hiện khi nhận được tiền từ việc người chơi mua trực tiếp tiền ảo hoặc vật phẩm ảo, hoặc khi người chơi sử dụng thẻ nạp tiền để mua tiền ảo hoặc vật phẩm ảo.

Theo các thỏa thuận cấp phép với các nhà phát triển trò chơi trực tuyến, trong trường hợp Công ty chịu trách nhiệm kiểm soát, vận hành và bảo trì trò chơi, bao gồm việc duy trì đội ngũ vận hành và bảo mật, môi trường thử nghiệm và dịch vụ khách hàng, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở gộp. Phí bản quyền trả cho nhà phát triển trò chơi (dựa trên tỷ lệ chia sẻ doanh thu) được ghi nhận vào giá vốn khi phát sinh. Trong trường hợp ngược lại, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thuần, tức là, sau khi trừ đi phí bản quyền.

Đối với trò chơi trực tuyến, nghĩa vụ thực hiện của Công ty được xác định khi Công ty tạo ra trò chơi và cung cấp các dịch vụ liên quan đến trò chơi diễn ra xuyên suốt cho người chơi. Khi đó, doanh thu được ghi nhận khi nghĩa vụ thực hiện được hoàn tất. Với mục đích xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Công ty đã xem xét đến một số yếu tố bao gồm: tính chất của từng trò chơi, tính chất của vật phẩm ảo được bán, cách bán vật phẩm ảo và tầm quan trọng của chúng đối với người chơi.

Hàng quý, Công ty ước tính thời gian chơi trung bình của người chơi cho mỗi trò chơi trực tuyến dựa trên "tỷ lệ rời bỏ" bằng cách sử dụng nhiều điểm dữ liệu trong ba tháng của quý. Để tính toán tỷ lệ rời bỏ, Công ty xác định số lượng người chơi thực hiện thanh toán vào tháng đầu tiên của mỗi quý và theo dõi hành vi của người chơi để xác định tỷ lệ rời bỏ tiếp theo của những người chơi, tức là, số lượng người chơi không đăng nhập vào trò chơi trong hai tháng tiếp theo của quý. Công ty xác định rằng một người chơi sẽ "rời bỏ" nếu thanh toán vào tháng đầu tiên của quý nhưng không quay lại chơi trò chơi trong những tháng còn lại của quý đó. Đối với vài trò chơi trực tuyến riêng biệt, hoặc khi một trò chơi mới được ra mắt và chỉ có một khoảng thời gian giới hạn về dữ liệu người chơi trả tiền, Công ty sẽ xem xét các yếu tố khác để ước tính thời gian chơi của người chơi, chẳng hạn như thời gian chơi ước tính của người chơi các trò chơi khác có đặc điểm tương tự.

Mặc dù Công ty tin rằng các ước tính của mình là hợp lý dựa trên thông tin về người chơi trò chơi trực tuyến có sẵn tại mỗi thời điểm, nhưng thời gian chơi trung bình ước tính có thể được điều chỉnh nếu đặc điểm của người chơi trò chơi thay đổi. Việc điều chỉnh doanh thu phát sinh từ việc thay đổi ước tính về thời gian chơi trung bình trong một quý nhất định sẽ được hạch toán tương ứng như một thay đổi trong ước tính kế toán. Sự thay đổi như vậy là kết quả của thông tin mới về mô hình hành vi của người chơi trò chơi trực tuyến.

Công ty cung cấp nhiều phương thức để người dùng thanh toán các vật phẩm ảo trong trò chơi, bao gồm nền tảng ZaloPay, chuyển khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, thanh toán thông qua điện thoại di động, thẻ trả trước do chính Công ty bán thông qua các đại lý và các cổng thanh toán trực tuyến khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu trò chơi trực tuyến (tiếp theo)

Đối với doanh thu nhận được thông qua nền tảng điện thoại di động, giá giao dịch là tổng số tiền mà Công ty tính cho người chơi vì Công ty là chủ thể trong giao dịch này. Công ty kiểm soát dịch vụ cung cấp trò chơi trực tuyến cho người chơi và có thỏa thuận hợp đồng trực tiếp với người chơi trả tiền. Phí nền tảng và phí xử lý thanh toán được ghi nhận là giá vốn.

Đối với doanh thu nhận được thông qua các kênh phân phối khác (ví dụ như thông qua đại lý, công ty viễn thông và nền tảng trực tuyến), Công ty cũng là chủ thể trong các giao dịch này. Công ty ghi nhận doanh thu theo số tiền nhận được từ nhà phân phối. Các nhà phân phối này có thể chọn thay đổi mức giá mà Công ty yêu cầu bằng cách đưa ra chiết khấu hoặc các ưu đãi khác cho người chơi. Công ty không nhận được thông tin từ các nhà phân phối này về số tiền giảm giá, hoặc ưu đãi, hoặc số tiền thực tế mà người chơi thanh toán.

Công ty ghi nhận chi phí cho các kênh thanh toán là chi phí phát sinh gia tăng, nhất quán với cách ghi nhận doanh thu tương ứng. Đối với những trò chơi trực tuyến, trong đó các yếu tố cho thấy trải nghiệm chơi trò chơi và môi trường ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn là vật phẩm ảo được bán, thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận theo thời gian chơi trung bình ước tính của người chơi. Đối với những trò chơi trong đó các yếu tố cho thấy vật phẩm ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn trải nghiệm chơi trò chơi thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận trên cơ sở nhất quán với doanh thu liên quan.

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Công ty, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

Thương mại điện tử và dịch vụ giá trị gia tăng

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Khi cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống thỏa mãn đồng thời các điều kiện quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở tổng số tiền thu được trừ đi phần doanh thu chưa thực hiện là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số tiền chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Doanh thu đối với hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí đó sẽ được ghi nhận khi đã thực hiện nghĩa vụ với khách hàng hoặc khách hàng không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng dịch vụ miễn phí.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, phí triển khai và điều hành trò chơi, các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	192.438.183	246.056.841
Tiền gửi ngân hàng	18.774.579.360	569.325.867.549
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>630.970.000.000</u>	<u>1.162.800.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>649.937.017.543</u>	<u>1.732.371.924.390</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động đến 3,7%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm, và hưởng lãi suất dao động đến 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu khách hàng	74.817.680.648	78.217.750.864
Apple INC.	42.580.152.985	42.802.102.715
Google INC.	11.905.538.211	13.517.198.240
Phải thu khách hàng khác	20.331.989.452	21.898.449.909
Phải thu các bên liên quan	258.062.162.998	197.020.445.013
TỔNG CỘNG	332.879.843.646	275.238.195.877
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(988.043.702)	(1.995.144.589)
GIÁ TRỊ THUẦN	331.891.799.944	273.243.051.288

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	318.205.550.305	512.659.672.657
Tạm ứng góp vốn vào công ty con	285.000.000.000	492.639.098.400
Chi hộ	7.901.090.663	9.015.209.598
Tạm ứng cho nhân viên	7.044.830.023	3.334.431.982
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	5.046.390.487	3.787.077.980
Tiền lãi phải thu	489.261.644	3.198.306.851
Phải thu khác	12.723.977.488	685.547.846
Dài hạn – Đặt cọc	270.200.000	1.610.992.507
TỔNG CỘNG	318.475.750.305	514.270.665.164

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	5.257.338.474	-	7.444.666.767	-
Hàng khuyến mãi	2.177.980.516	(858.037.352)	4.006.185.117	(824.753.322)
TỔNG CỘNG	7.435.318.990	(858.037.352)	11.450.851.884	(824.753.322)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Thiết bị khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	657.061.467.139	31.149.364.370	38.839.595.567	137.049.068.489	50.476.464.439	914.575.960.004
Mua trong kỳ	-	-	5.773.652.236	3.118.858.909	-	8.892.511.145
Thanh lý	-	(21.936.797.475)	(811.028.819)	(1.892.101.297)	-	(24.639.927.591)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	657.061.467.139	9.212.566.895	43.802.218.984	138.275.826.101	50.476.464.439	898.828.543.558
Giá trị khấu hao lũy kế						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(133.041.017.216)	(31.149.364.370)	(30.225.713.197)	(111.998.768.332)	(49.879.317.757)	(356.294.180.872)
Khấu hao trong kỳ	(15.558.832.556)	-	(4.441.285.841)	(9.735.425.444)	(98.859.336)	(29.834.403.177)
Thanh lý	-	21.936.797.475	811.028.819	1.865.520.644	-	24.613.346.938
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	(148.599.849.772)	(9.212.566.895)	(33.855.970.219)	(119.868.673.132)	(49.978.177.093)	(361.515.237.111)
Giá trị còn lại:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	524.020.449.923	-	8.613.882.370	25.050.300.157	597.146.682	558.281.779.132
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	508.461.617.367	-	9.946.248.765	18.407.152.969	498.287.346	537.313.306.447

Trong đó:

Tài sản sử dụng làm
tài sản đảm bảo
(Thuyết minh số 20)

508.461.617.367

- - 508.461.617.367

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Phần mềm</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	749.191.812.653	4.337.121.864	753.528.934.517
Mua trong kỳ	14.926.946.000	-	14.926.946.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.882.992.805	-	2.882.992.805
Xóa sổ	<u>(41.889.500.000)</u>	-	<u>(41.889.500.000)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>725.112.251.458</u>	<u>4.337.121.864</u>	<u>729.449.373.322</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(638.158.571.284)	(4.337.121.864)	(642.495.693.148)
Khấu hao trong kỳ	(35.814.784.832)	-	(35.814.784.832)
Xóa sổ	35.956.451.287	-	35.956.451.287
Dự phòng tổn thất tài sản	7.756.994.977	-	7.756.994.977
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>(630.259.909.852)</u>	<u>(4.337.121.864)</u>	<u>(634.597.031.716)</u>
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>111.033.241.369</u>	-	<u>111.033.241.369</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>94.852.341.606</u>	-	<u>94.852.341.606</u>

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	36.847.345.000	17.138.740.000
Khác	-	478.397.146
TỔNG CỘNG	<u>36.847.345.000</u>	<u>17.617.137.146</u>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	6.435.762.611.378	4.838.648.044.366
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	1.375.550.935.009	1.195.550.935.009
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>7.811.313.546.387</u>	<u>6.035.198.979.375</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(5.179.405.137.605)</u>	<u>(3.649.525.588.519)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>2.631.908.408.782</u>	<u>2.385.673.390.856</u>

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty Cổ phần Zion	99,999	5.141.651.547.562	72,654	3.364.556.980.550	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Ví Na ("VinaData") (*)	99,989	898.100.000.000	99,989	898.100.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin
Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Ví Na	99,50	124.073.818.913	99,50	124.073.818.913	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông, thương mại điện tử
Công ty TNHH Verichains	100,00	114.502.400.000	100,00	114.502.400.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG	100,00	60.000.000.000	100,00	60.000.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
Công ty Cổ phần Công nghệ EPI	100,00	51.433.844.903	100,00	51.433.844.903	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang web, phần mềm và các công nghệ truyền thông
Công ty TNHH ZIE	100,00	20.000.000.000	100,00	20.000.000.000	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và phân phối trò chơi trực tuyến

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty Cổ phần A4B	69,80	15.001.000.000	69,80	15.001.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
Công ty TNHH Zingplay Việt Nam	100,00	10.000.000.000	100,00	10.000.000.000	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Sản xuất và phân phối trò chơi trực tuyến
Công ty TNHH VNG Online Việt Nam	100,00	1.000.000.000	100,00	1.000.000.000	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công thông tin và sản xuất phần mềm các loại
Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VTH	-	-	100,00	179.980.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; cho thuê văn phòng
Quỹ Kiến tạo Ước mơ	100,00	-	100,00	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quỹ từ thiện
TỔNG CỘNG		6.435.762.611.378		4.838.648.044.366		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.778.429.823.126)		(3.297.652.422.621)		
GIÁ TRỊ THUẬN		1.657.332.788.252		1.540.995.621.745		

(*) 40.000.000 (bốn mươi triệu) cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vì Na được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND
Telio Pte., Ltd.	16,55	515.273.409.170	16,55	515.273.409.170
Funding Asia Group Pte. Ltd.	3,63	398.648.069.622	3,8	398.648.069.622
Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VTH	35,00	180.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck	23,94	143.509.456.217	25,29	143.509.456.217
Công ty Cổ phần DayOne	27,27	138.120.000.000	27,27	138.120.000.000
TỔNG CỘNG		1.375.550.935.009		1.195.550.935.009
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(400.975.314.479)		(351.873.165.898)
GIÁ TRỊ THUẦN		974.575.620.530		843.677.769.111

Telio Pte., Ltd. ("Telio")

Telio được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp 201902507W ngày 21 tháng 1 năm 2019. Telio có trụ sở chính tại 30 Cecil Street #19-08 Prudential Tower, Singapore 049712. Hoạt động chính của Telio là phát triển ứng dụng thương mại điện tử.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm giữ 16,55% quyền sở hữu của Telio, Công ty có quyền chỉ định một (1) trên ba (3) người của Ban Giám đốc và có ảnh hưởng đáng kể trong Telio.

Funding Asia Group Pte. Ltd. ("Funding Asia")

Funding Asia được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp 201537647E vào ngày 14 tháng 10 năm 2015. Funding Asia có trụ sở chính tại 5 Shenton Way, #10-01, UIC Building, Singapore 068808. Hoạt động chính của Funding Asia là công ty đầu tư.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm giữ 3,63% quyền sở hữu của Funding Asia, Công ty có quyền chỉ định một (1) trên chín (9) người của Ban Giám đốc và có ảnh hưởng đáng kể trong Funding Asia.

Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VTH ("VTH")

VTH được thành lập theo GCNĐKKD số 0317484078 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 9 năm 2022. VTH có trụ sở chính tại Z06 Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của VTH là đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; cho thuê văn phòng.

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2023, Công ty và VTH đã ký kết Hợp đồng Đăng ký Mua Cổ phiếu với một nhà đầu tư chiến lược để chào bán 33.428.572 cổ phần được phát hành thêm bởi VTH cho nhà đầu tư chiến lược này, với giá trị là 464.536.000.000 VND. Vào ngày 17 tháng 5 năm 2024, giao dịch trên đã hoàn tất. Theo đó, nhà đầu tư chiến lược sở hữu 65% tỷ lệ sở hữu tại VTH và Công ty giảm tỷ lệ sở hữu trong VTH xuống còn 35%. VTH trở thành công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")

Ecotruck được thành lập theo GCNĐKKD số 0314715626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 3 tháng 11 năm 2017. Ecotruck có trụ sở chính tại 139/1A đường Phan Đăng Lưu, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Ecotruck là sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm giữ 23,94% quyền sở hữu và quyền biểu quyết của Ecotruck.

Công ty Cổ phần DayOne ("DayOne")

DayOne được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313249098 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 5 năm 2015. DayOne có trụ sở chính tại Lầu 1-5, Tòa nhà 9-11 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DayOne là thương mại điện tử.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty nắm giữ 27,27% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng của DayOne.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	135.702.515.281	79.658.652.840
Phí phần mềm	64.423.424.159	12.479.946.797
Chi phí kênh phân phối	41.322.090.298	34.513.869.469
Chi phí dịch vụ trả trước	22.857.341.085	25.393.334.819
Bản quyền âm nhạc	7.023.102.977	6.154.762.369
Khác	76.556.762	1.116.739.386
Dài hạn	113.493.296.043	126.371.943.015
Tiền thuê đất trả trước (*)	75.011.838.403	77.307.186.948
Công cụ, dụng cụ	16.097.831.911	18.793.010.189
Bản quyền âm nhạc	11.626.410.093	16.350.800.351
Chi phí sửa chữa văn phòng	7.598.305.901	9.836.593.822
Chi phí kênh phân phối	1.980.856.409	1.435.415.969
Khác	1.178.053.326	2.648.935.736
TỔNG CỘNG	249.195.811.324	206.030.595.855

(*) Tiền thuê đất trả trước được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả người bán	73.394.146.936	155.590.220.746
Seasun Games Corporation Limited	43.826.243.129	38.923.642.380
Phải trả người bán khác	29.567.903.807	116.666.578.366
Phải trả các bên liên quan	550.693.977.812	412.927.649.614
TỔNG CỘNG	<u>624.088.124.748</u>	<u>568.517.870.360</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Thuế giá trị gia tăng	31.457.957.256	24.387.371.909
Thuế nhà thầu nước ngoài	22.185.385.627	7.569.912.132
Thuế thu nhập cá nhân	4.644.482.568	6.120.715.756
TỔNG CỘNG	<u>58.287.825.451</u>	<u>38.077.999.797</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phí phần mềm	518.956.804.935	661.604.737.055
Chi phí lương	112.331.890.196	203.655.477.006
Chi phí quảng cáo	100.511.517.283	19.838.196.597
Chi phí thuê chỗ và cước đường truyền	45.643.319.858	9.062.586.852
Chi phí phải trả khác	105.397.310.903	51.262.734.438
TỔNG CỘNG	<u>882.840.843.175</u>	<u>945.423.731.948</u>

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	1.167.748.659.892	1.086.949.025.152
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.102.458.087.037	1.051.823.701.151
Dịch vụ quảng cáo	59.305.156.367	29.396.474.247
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	5.985.416.488	5.728.849.754
Dài hạn	146.145.314.999	66.951.008.607
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	146.058.528.749	66.834.490.652
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	86.786.250	116.517.955
TỔNG CỘNG	<u>1.313.893.974.891</u>	<u>1.153.900.033.759</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	54.207.860.907	45.191.376.040
Đặt cọc mua cổ phần	26.839.870.000	17.849.830.000
Thuế nhà thầu nước ngoài	19.114.562.903	22.774.338.680
Kinh phí công đoàn	3.312.981.530	2.815.543.551
Phải trả khác	4.940.446.474	1.751.663.809
Dài hạn - Nhận đặt cọc	634.564.500	558.379.674
TỔNG CỘNG	54.842.425.407	45.749.755.714

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn khác thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.10.

20. VAY NGẮN HẠN

	VND			
	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn (*)	<u>718.480.706.210</u>	<u>1.004.452.700.899</u>	<u>(725.386.721.722)</u>	<u>997.546.685.387</u>

(*) Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại để bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ trả hạn gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	<u>997.546.685.387</u>	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2024 đến ngày 23 tháng 12 năm 2024	5.5	(i) Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất Số 24, Tờ Bản đồ Số 31 (theo tài liệu đo đạc năm 2023), tọa lạc tại Lô Z.03b-04 và Lô Z.05-06-07, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (ii) 40.000.000 cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của Công ty trong VinaData.

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
Năm trước:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	358.442.620.000	1.133.299.050.771	(1.264.419.931.578)	2.482.476.505.399	2.709.798.244.592
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(562.838.724.986)	(562.838.724.986)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>358.442.620.000</u>	<u>1.133.299.050.771</u>	<u>(1.264.419.931.578)</u>	<u>1.919.637.780.413</u>	<u>2.146.959.519.606</u>
Năm nay:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	287.360.000.000	(60.038.260.807)	-	2.141.135.095.248	2.368.456.834.441
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(1.449.403.866.105)	(1.449.403.866.105)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>287.360.000.000</u>	<u>(60.038.260.807)</u>	<u>-</u>	<u>691.731.229.143</u>	<u>919.052.968.336</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Kỳ năm nay	Kỳ năm trước
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.944.141.848.132	1.484.451.369.468
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	248.629.927.754	307.768.426.044
Dịch vụ thông báo Zalo	111.351.010.455	51.522.474.886
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	30.017.687.123	15.004.860.803
Dịch vụ cho thuê	21.504.545.454	21.504.545.454
Khác	13.215.155.719	21.332.956.673
TỔNG CỘNG	<u>2.368.860.174.637</u>	<u>1.901.584.633.328</u>

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ năm nay	Kỳ năm trước
Tiền lãi	9.315.051.996	6.011.746.021
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	7.270.325.830	10.167.297.256
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	334.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>16.585.377.826</u>	<u>350.179.043.277</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Kỳ năm nay	Kỳ năm trước
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.529.879.549.086	269.400.464.666
Chi phí lãi vay	26.868.399.612	3.798.324.605
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.864.158.121	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.308.864.361	246.690.769
TỔNG CỘNG	<u>1.567.920.971.180</u>	<u>273.445.480.040</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Kỳ năm nay	Kỳ năm trước
Thu nhập khác	917.634.504	1.693.730.103
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	447.148.962	328.407.452
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	-	143.824.175
Thu nhập khác	470.485.542	1.221.498.476
Chi phí khác	(1.051.982.081)	(24.732.237.703)
Dự phòng tổn thất tài sản	(970.075.882)	-
Lỗ do thanh lý công cụ dụng cụ	(14.338.098)	-
Lỗ do xoá sổ tài sản cố định	-	(4.264.209.057)
Chi phí bồi thường	-	(19.876.794.300)
Chi phí khác	(67.568.101)	(591.234.346)
LỖ THUẦN KHÁC	(134.347.577)	(23.038.507.600)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Kỳ năm nay	Kỳ năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	886.347.091.321	984.208.824.752
Chi phí bản quyền phần mềm	664.775.750.883	747.824.313.305
Chi phí nhân viên	608.222.210.296	660.187.994.058
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	65.649.188.009	73.125.519.560
Chi phí khác	41.799.859.302	52.771.762.276
TỔNG CỘNG	2.266.794.099.811	2.518.118.413.951

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Hoàng Thị Huệ
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2024